

Số: /TTr-BXD
(DỰ THẢO 7/2023)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/2/2023 Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ xây dựng nghiên cứu Đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước trình Chính phủ tháng 11/2023;

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành và rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực cấp, thoát nước và xử lý nước thải, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Vai trò của nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

Nước sạch là một loại thực phẩm, hàng hóa đặc biệt, có tác động trực tiếp đến sức khỏe và mọi hoạt động thiết yếu khác của cuộc sống con người. Ngoài ra, mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước có liên quan đến sử dụng tài nguyên nước và nguồn nước sạch. Các sự cố về nguồn nước, công trình cấp nước ảnh hưởng đến cuộc sống, tính mạng, sức khỏe con người trong vùng phục vụ (một vùng trong một đô thị cho đến nhiều đô thị, nông thôn); chịu tác động ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH), phát triển kinh tế - xã hội, khủng bố, an ninh chính trị. Đại Hội đồng Liên hiệp quốc ngày 28/7/2010 đã thông qua Nghị quyết công nhận việc tiếp cận nguồn nước sạch và hệ thống vệ sinh là một quyền cơ bản của con người. Nhiều nước trên thế giới cũng đã quy định sử dụng nước sạch là quyền của con người. Ở Việt Nam, cùng với điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, chất lượng cuộc sống của con người ngày càng được quan tâm nhiều hơn thì đảm bảo việc tiếp cận nguồn nước sạch an toàn, bền vững cần phải được thể chế hóa phù hợp với nhu cầu phát triển tất yếu của thế giới.

Nước thải là sản phẩm được thải từ các đối tượng sử dụng nước; trong nước thải có thể chứa nhiều hóa chất, mầm bệnh...nếu không xử lý, thải trực tiếp ra môi trường sẽ gây ra tình trạng ô nhiễm. Trong nhiều năm qua, đa số nước

thải sinh hoạt, sản xuất, nước thải từ chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường và dòng chảy mặt gây ô nhiễm nặng nề, nhất là các dòng chảy mặt tại các đô thị, khu dân cư tập trung. Tuy nhiên, việc đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở hầu hết các địa phương vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; việc giám sát, quản lý và xử lý các vấn đề liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải chưa được thực hiện một cách có hệ thống; Tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường do nước thải vẫn đang là bài toán khó đối với các cấp chính quyền.

Vì vậy, quản lý và phát triển hệ thống cấp nước sạch, thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, bảo vệ sức khỏe cho người dân, giảm thiểu các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế là rất cần thiết đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.

2. Căn cứ chính trị, pháp lý

a) Căn cứ đường lối, chủ trương, chỉ đạo của Đảng:

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải thuộc một trong bốn mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, có mục tiêu “Thế chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại”.

Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã chỉ rõ “Hệ thống pháp luật của nước ta cơ bản đầy đủ, ổn định, thống nhất. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới; một số quy định còn bất cập, gây kim hãm, cản trở sự phát triển. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tăng cường xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế phải được các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chú trọng, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Mục tiêu của công tác xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột

phá chiến lược đã được Đại hội XIII của Đảng đề ra. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo”.

b) Căn cứ pháp lý

Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

Kế hoạch số 290/KH-UBKHCNMT15 ngày 30/11/2021 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về Triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án của Đảng, đoàn Quốc hội về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, giao Bộ Xây dựng hoàn thành báo cáo rà soát về Dự án Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước năm 2022.

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, giao Bộ Xây dựng thực hiện Dự án Luật Cấp, Thoát nước trình Quốc hội ban hành năm 2024-2025.

Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, giao Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng Dự án Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình năm 2024-2025.

Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017; trong đó tại Mục tiêu 6.1 (Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người) giao Bộ Xây dựng xây dựng Luật Cấp nước và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.

Thực hiện đường lối, chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, yêu cầu nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về Cấp, thoát nước là cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm cung cấp nhu cầu thiết yếu của con người, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, sức khỏe, cuộc sống người dân.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Thực tiễn phát triển

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, mức sống của con người ngày càng nâng cao, nhu cầu sử dụng nước sạch phải đầy đủ về số lượng, chất lượng bảo đảm bên cạnh việc quản lý chống ngập lụt, thu gom, xử lý nước thải triệt để sẽ là mối quan tâm hàng đầu của đảng và nhà nước ta. Trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán vào mùa khô và lũ lụt, lũ quét vào mùa mưa; việc quản lý và đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước, thu gom, xử lý nước thải cần được thể chế trong văn bản Luật, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3.2. Pháp luật hiện hành về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Hiện nay, pháp luật điều chỉnh hoạt động cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải chưa được quy định trong các văn bản luật hiện hành; chỉ được quy định bằng văn bản nghị định (quy định trực tiếp không có luật hướng dẫn) bao gồm: Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 (thay thế Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007) về thoát nước và xử lý nước thải. Các Nghị định nêu trên quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh, hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp); quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, trong hệ thống pháp luật, có những luật liên quan trực tiếp đến cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải như:

(1) Liên quan đến quy hoạch: Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật giao thông đường bộ 2008;

(2) Liên quan đến quản lý nguồn lực đầu tư, quản lý dịch vụ cấp, thoát nước bao gồm: Luật Đầu tư năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; Luật Giá năm 2012; Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010; Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

(3) Liên quan đến sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường bao gồm: Luật Tài nguyên nước năm 2012; Luật Thủy lợi năm 2017; Luật Đất đai năm 2013; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(4) Ngoài ra, trong hệ thống pháp luật, có nhiều luật liên quan đến cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải như: Luật chứng khoán năm 2019, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Luật Phòng chống thiên tai 2013,...

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao liên quan đến quản lý nhà nước liên quan đến cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải: Bộ Xây dựng chủ trì ban hành 03 Thông tư¹ về cấp nước, 03 Thông tư² về thoát nước, xử lý nước thải, một số Thông tư ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, thiết kế công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 01 Thông tư³ về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và Thông tư⁴ quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; Bộ Y tế ban hành Thông tư⁵ về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì trình Chính phủ ban hành một số Nghị định hướng dẫn Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường và ban hành Thông tư liên quan đến quản lý, bảo vệ, khai thác tài nguyên nước, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải.

Trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cấp, thoát nước, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo về đầu tư phát triển cấp, thoát nước đô thị, nông thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội.

¹ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Bộ Xây dựng và Bộ Công an hướng dẫn thực hiện cấp nước phòng cháy chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp

² Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước; Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

³ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn

⁴ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt

⁵ Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT

Về phía địa phương, nhằm cụ thể hóa các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, đã ban hành nhiều quy định về quản lý phát triển cấp, thoát nước và xử lý nước thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Do chưa có Luật chuyên ngành, hoạt động, dịch vụ về cấp, thoát nước bị chi phối bởi nhiều Luật khác có liên quan đang tác động trực tiếp đến việc huy động nguồn lực đầu tư, vận hành công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải và bảo đảm cấp nước an toàn, quản lý nước thải an toàn và bền vững.

3.3. Sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Hiện nay, trên cơ sở rà soát trên 20 văn bản luật hiện hành cho thấy: Các luật hiện hành chưa quy định các nội dung chi tiết các hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp nước sạch, thoát nước mưa chống ngập, thu gom, xử lý nước thải, quản lý dịch vụ. Hiện nay, các nội dung này đang được quy định trong Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Một số nội dung có liên quan về hỗ trợ đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư, quản lý dự án, tài sản, phí trong các Nghị định như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020,... Nhưng những quy định này chưa đầy đủ hoặc chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản hoặc hạn chế trong tính khả thi khi thực hiện.

Với vai trò quan trọng của nước sạch, thoát nước chống ngập, thu gom và xử lý nước thải đối với cuộc sống con người; đồng thời để giải quyết những bất cập khi thực hiện quy định hiện hành, cần thiết phải xây dựng, ban hành luật mới điều chỉnh về cấp, thoát nước trên cơ sở quy định nội dung sản xuất, cung cấp nước sạch, chống ngập, thu gom, xử lý nước thải và quản lý dịch vụ cấp nước sạch, dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trong Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP thành văn bản luật; kết hợp bổ sung những quy định mới trở thành văn bản luật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Những kết quả đạt được trong việc thực thi pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

3.4.1. Về quy hoạch, định hướng, chiến lược, chương trình cấp, thoát nước

Luật Xây dựng năm 2014 quy định việc lập quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước vùng; Luật Quy hoạch đô thị quy định việc lập quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước cho 05 thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải cho đô thị từ loại III trở lên; ngoài ra, quy định nội dung quy hoạch cấp, thoát nước là một nội dung trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Trong thời gian qua Thủ tướng Chính phủ, chính quyền địa phương đã phê duyệt quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước cho 05 thành phố trực thuộc Trung ương; 04 quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải 03 vùng kinh tế trọng điểm và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 25 đồ án quy hoạch cấp nước đô thị và vùng nông thôn lân cận⁶; 61 đồ án quy hoạch cấp nước nông thôn; đến nay đã có 18 đồ án quy hoạch chuyên ngành thoát nước đô thị.

Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp, Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam, Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn theo các giai đoạn; các Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình 30a nhằm tập trung các nguồn lực đầu tư, phát triển cấp, thoát nước; các chương trình, đề án, chỉ thị: Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch, Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn, Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn, Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn liên tục, Chỉ thị về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, ...Ngoài ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực nhà nước⁷ đầu tư cho phát triển cấp nước nông thôn.

Sau khi Luật Quy hoạch năm 2017 có hiệu lực, quy hoạch cấp, thoát nước chuyên ngành chỉ lập riêng cho 05 thành phố trực thuộc Trung ương.

3.4.2. Về đầu tư, phát triển cấp, thoát nước

a) Về cấp nước

Đối với khu vực đô thị trên cả nước có khoảng hơn 250 doanh nghiệp cấp nước, đang vận hành khoảng 750 nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước bao phủ khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn lân cận; tổng công suất các nhà máy nước khoảng 12,6 triệu m³/ngày, tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch 94,2%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch 16,5%. Đối với khu vực nông thôn: tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%, trong đó 51% đạt QCVN 01:2009/BYT (áp dụng cho các trạm

⁶ Thành phố Hà Nội được phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2021; phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021;

- Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2025 tại Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19/06/2012;

⁷ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

cấp nước có công suất > 1000 m³/ngđ), với khoảng 44% người dân nông thôn (28,5% triệu người) được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung; tỷ lệ mẫu nước của các trạm cấp nước có công suất < 1000 m³/ngđ đạt QCVN 02:2009/BYT năm 2018 là 61,6%; đã đầu tư khoảng 16.573 công trình cấp nước tập trung, 10 triệu công trình cấp nước qui mô hộ gia đình (sử dụng giếng khoan, giếng đào, bể trữ nước mưa, công trình lắng lọc sơ bộ).

b) Về thoát nước và xử lý nước thải

Tổng mức đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải đô thị giai đoạn 1995 – 2021 là khoảng hơn 03 tỷ Đô la Mỹ. Hệ thống thoát nước các khu dân cư thuộc các đô thị lớn, các lưu vực sông chủ yếu là hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt cùng với nước mưa được xả trực tiếp ra các cống, kênh, rạch vào các sông chính của lưu vực. Một vài đô thị có một phần hệ thống thoát nước riêng là Huế, Vũng Tàu, Đà Lạt, Bình Dương và Cần Thơ,... Tỷ lệ thu gom nước thải của phạm vi phục vụ hệ thống thoát nước đô thị toàn quốc đạt khoảng 64%; có khoảng 70% hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị nhưng hầu hết lượng nước thải được xả thẳng ra hệ thống tiêu thoát nước bề mặt, chỉ có 15% tổng lượng nước thải được thu gom xử lý (tỷ lệ thực hiện còn thấp hơn so với Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước và xử lý nước thải đến năm 2020 tỷ lệ đề ra đạt từ 15 - 20%). Đến tháng 6/2023, toàn quốc có 82 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang vận hành ở hơn 50 đô thị, với tổng công suất thiết kế là 1,466 triệu m³/ngày, công suất thực tế là 670.000 m³/ngày. Tính đến năm 2021, có 262/291 khu công nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90% với tổng công suất tối đa khoảng 1,2 triệu m³/ngày.

Đối với khu vực nông thôn, thoát nước và xử lý nước thải hầu như chưa được quan tâm; riêng một số khu vực làng nghề, nước thải sản xuất được thu gom, xử lý sơ bộ; còn lại hầu hết nước thải sinh hoạt nông thôn xả trực tiếp ra môi trường.

Tỷ lệ đường cống thoát nước trên đầu người còn thấp so với các đô thị trên thế giới (trung bình khoảng dưới 0,5m/người, so với thế giới là 2m/người). Mật độ kênh mương tại các đô thị dao động khá lớn, từ 0,29-18 km cống/km² diện tích đô thị, trung bình các đô thị là 3,3 km cống/km².

Hiện nay, các địa phương có khoảng 80 dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị cấp tỉnh đang trong quá trình thiết kế/ thi công xây dựng, với tổng công suất thiết kế gần 2,2 triệu m³/ngày.

3.4.3. Về quản lý vận hành công trình và bảo đảm an ninh, an toàn dịch vụ cấp, thoát nước.

a) Về cấp nước:

Sau năm 2010, các địa phương thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp cấp nước, đến nay khoảng hơn 90% các doanh nghiệp cấp nước đô thị đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (hiện nay chỉ còn khoảng 10 doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV). Bên cạnh việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa⁸, việc huy động tư nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước đô thị và nông thôn đã được triển khai mạnh tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước⁹.

Có 15 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Trên toàn quốc có khoảng 43/63 địa phương phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn giai đoạn 2017-2025; các đơn vị cấp nước đã lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt khoảng 48% hệ thống cấp nước đô thị; nhiều công trình cấp nước nông thôn đang lập và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT. Các đơn vị cấp nước đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung đã thực hiện đấu nối và lắp đặt đồng hồ đo nước đạt gần 100% khách hàng sử dụng nước, góp phần kiểm soát lượng nước sạch tiêu thụ của khách hàng, giảm thất thoát, thất thu nước sạch.

b) Về thoát nước và xử lý nước thải:

Mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống thoát nước đa dạng tại các địa phương hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả cấp nước, môi trường, dịch vụ công ích và xã hội. Đến nay, trong số 71 DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, 55% đã được chuyển đổi thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 50% vốn¹⁰. Hầu hết các công ty đều hoạt động theo cơ

⁸ Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Tính đến tháng 5/2020, trong số 58 doanh nghiệp nêu trên, có 02 doanh nghiệp hoàn thành chuyển giao về SCIC, 17 doanh nghiệp hoàn thành thoái vốn theo tỷ lệ, 09 doanh nghiệp thoái một phần vốn theo kế hoạch. Tỷ lệ hoàn thành thoái vốn theo kế hoạch là 29%. Đến nay, trên địa bàn toàn quốc có 47 tỉnh thành phố với 54 doanh nghiệp cấp nước có vốn Nhà nước đang duy trì góp vốn; trong đó, Nhà nước nắm giữ trên 51% tại 40 doanh nghiệp, trên 36% tại 14 doanh nghiệp.

⁹ Từ năm 2010, các tỉnh thành phố đã huy động được khoảng 140 doanh nghiệp tư nhân đầu tư công trình cấp nước, đến nay đạt khoảng 250 doanh nghiệp cấp nước đô thị đang khai thác vận hành 750 nhà máy nước quy mô từ 3.000 m³/ngđ – 300.000 m³/ngđ, cung cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn liền kề; ngoài ra hàng trăm doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư vào công trình cấp nước nông thôn với quy mô công suất từ 500 m³/ngđ – 30.000 m³/ngđ.

¹⁰ Về Cổ phần hóa các DNNN quản lý thoát nước: Về tổ chức các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), quá trình cải cách DNNN trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải bắt đầu từ năm 2007 khi Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 16/3/2007 được ban hành, theo đó loại bỏ quy định bắt buộc Nhà nước nắm giữ 100% vốn trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực thoát nước đô thị. Kể từ năm 2007-2021, Nhà nước chỉ sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ đối với các DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước. Gần đây nhất, vào năm 2021, tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước tại các DNNN được quy định trong khoảng từ 50% đến dưới 65%.

chế “chính quyền địa phương đặt hàng” và được ngân sách của địa phương thanh toán trực tiếp.

Đáp ứng yêu cầu quản lý vận hành công trình thoát nước, có khoảng 50 địa phương ban hành Quyết định quản lý hoạt động thoát nước; trong đó, quy định về quản lý đầu nối thoát nước (trên 60% địa phương tỉnh/thành); hợp đồng quản lý vận hành (đạt 46%); xử lý nước thải phi tập trung hành (đạt 42%); quản lý bùn thải (đạt 40%); có khoảng 26 địa phương đã và đang thực hiện Hợp đồng quản lý, vận hành công trình thoát nước.

3.4.4. Giá dịch vụ

Đối với cấp nước, hầu hết Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trung ương đã điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch đô thị tiếp cận nguyên tắc tính đúng, tính đủ, phù hợp với biến động của chi phí sản xuất - kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người dân. Khu vực đô thị, giá nước bình quân tại các địa phương khoảng từ 7.000 đ/m³.ngđ đến 9.000 đ/m³.ngđ; khu vực nông thôn, giá nước bình quân khoảng 3000 đ/m³.ngđ - 9.000 đ/m³.ngđ; nhiều khu vực giá nước thấp chưa đảm bảo duy trì vận hành công trình.

Đối với thoát nước, đã có khoảng 24/63 địa phương đã ban hành giá dịch vụ thoát nước hoặc lộ trình giá dịch vụ thoát nước khoảng từ 1.000 đến 5.600 đ/m³. Việc thu giá dịch vụ thoát nước góp phần nâng cao nhận thức người dân trong việc xả thải, địa phương có thêm nguồn thu thực hiện duy tu, duy trì hệ thống thoát nước thải. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020.

3.4.5. Chuyển đổi số, quản lý nước thông minh, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cấp thoát nước

Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp, thoát nước ở Việt Nam nhằm hỗ trợ trong tất cả các công đoạn của hoạt động cấp, thoát nước. Các hệ thống cấp, thoát nước ở nước ta hiện nay có nhiều hệ thống đang áp dụng công nghệ thông tin và các giải pháp tiên tiến trong quản lý vận hành, ở các mức độ khác nhau. Việc quản lý hệ thống cấp, thoát nước quy mô vừa và lớn đã ứng dụng tích hợp các công nghệ bản đồ số GIS, hệ thống điều khiển giám sát từ xa (SCADA), công nghệ di động, công nghệ điện toán đám mây, tích hợp thành hệ thống toàn diện quản lý cho các doanh nghiệp như: Thiết lập bản đồ số mạng, quản lý tài sản, giám sát vận hành và bảo trì mạng, quản lý và chăm sóc khách hàng, ghi chỉ số và kiểm tra đồng hồ nước, quản lý đồng hồ nước, kiểm soát chất lượng nước, hỗ trợ phòng, chống thất thoát nước... Bên cạnh đó, các đơn vị cấp, thoát nước còn áp dụng các giải pháp dịch vụ gia tăng như tổng đài chăm sóc khách hàng VoIP 1900, SMS, hóa đơn điện tử và thanh toán điện tử được tích hợp vào hệ thống quản lý khách hàng.

Hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế (như WB, ADB) và hợp tác song phương được đẩy mạnh, đã thu hút nguồn lực đầu tư bằng nguồn vốn ODA cho hầu hết các dự án thoát nước, xử lý nước thải các đô thị bằng, các dự án, chương trình cấp nước nông thôn.

3.4.6. Quản lý nhà nước về hoạt động cấp, thoát nước

Chính phủ giao Bộ Xây dựng quản lý hoạt động cấp nước tại các đô thị và khu công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hoạt động cấp nước tại các khu vực nông thôn; Bộ Y tế kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức, phát triển dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý. Việc phân công 02 Bộ ngành quản lý cấp nước; đối với khu vực đô thị, chất lượng đầu tư, chất lượng dịch vụ hệ thống cấp nước cơ bản bền vững và hiệu quả; đối với khu vực nông thôn đã thúc đẩy và tăng cường nguồn lực nhà nước cho đầu tư, phát triển cấp nước nông thôn gắn với các chương trình, dự án phát triển nông thôn, xóa đói, giảm nghèo; bên cạnh đó, cấp nước khu vực nông thôn có nhiều hạn chế về tính thống nhất, đồng bộ, bền vững về cấp nước, phải duy trì nguồn vốn đầu tư khá lớn từ ngân sách Nhà nước và khả năng nâng cao chất lượng dịch vụ trong điều kiện biến đổi khí hậu và nguồn nước bị ô nhiễm, suy giảm.

3.5. Một số tồn tại, hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải:

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện:

3.5.1. Pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực cấp, thoát nước chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ cung cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải

Việc cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, chống ngập liên quan trực tiếp đến sức khỏe, môi trường sống của con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Pháp luật quản lý lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đang thực hiện ở mức Nghị định và bị chi phối bởi nhiều Luật có liên quan khác; đã và đang đang tác động trực tiếp đến quá trình đầu tư, vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát rủi ro.

3.5.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải chưa đầy đủ, khó khăn trong việc đánh giá tình hình, lập quy hoạch, định hướng, đầu tư và quản lý nhà nước

Việc tổng hợp cơ sở dữ liệu và thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải dựa theo chế độ báo cáo (*Thông tư 06/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng và Thông tư 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi Quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng*). Việc theo dõi, quản lý cập nhật cơ sở dữ liệu không thường xuyên, thiếu đồng bộ và chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin từ trung ương tới địa phương. Hiện nay, các văn bản pháp luật hiện hành chưa quy định công tác điều tra cơ bản xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho lập quy hoạch, đầu tư phát triển và kiểm soát dịch vụ cấp, thoát nước; thiếu kinh phí xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu.

3.5.3. Quy hoạch cấp, thoát nước chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chất lượng dự báo còn hạn chế gây khó khăn cho việc định hướng, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp, thoát nước

- Nội dung của quy hoạch cấp nước, thoát nước chưa quy định cụ thể trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh,... gây khó khăn khi lập các dự án đầu tư công trình cấp, thoát nước:

Trước khi Luật Quy hoạch có hiệu lực, nội dung quy hoạch cấp nước đã thể hiện khá đầy đủ thông tin để lập dự án đầu tư; tính liên kết vùng cơ bản được đáp ứng theo yêu cầu quản lý, phát triển cấp nước đô thị. Theo quy định tại Luật Quy hoạch (điểm h Khoản 2 Điều 27) và Luật Quy hoạch đô thị (Khoản 2 Điều 18), quy hoạch cấp nước chỉ được lập riêng cho các thành phố trực thuộc Trung ương và nội dung quy hoạch cấp nước được xác định trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng. Khi Luật Quy hoạch có hiệu lực, quy hoạch chuyên ngành cấp nước tỉnh theo Luật Xây dựng không được thực hiện, đã hạn chế việc xác định vùng cấp nước theo nhà máy nước có quy mô lớn, phạm vi cấp nước rộng; hạn chế hỗ trợ đầu tư, phát triển cấp nước nông thôn.

Theo Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng chỉ mang tính định hướng, thiếu nội dung thoát nước chống ngập, không đủ các nội dung lập các dự án đầu tư. Trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn khi đầu tư các dự án cấp nước, thoát nước mang tính vùng.

- Định hướng cấp nước manh mún, nhỏ lẻ; Công tác quy hoạch, phân vùng cấp nước thiếu tính liên kết vùng, hạn chế hỗ trợ phát triển cấp nước nông thôn:

Trong thời gian qua, từ việc phân giao quản lý, nội dung quy hoạch cấp nước thiếu tính gắn kết khu vực đô thị, nông thôn, thiếu tính vùng; chủ yếu tập trung huy động mạnh nguồn lực tư nhân đầu tư lấp kín khu vực cấp nước còn thiếu; nhưng thiếu định hướng, kiểm soát đã hình thành các nhà máy nước, vùng phục vụ cấp nước manh mún, nhỏ lẻ nằm rải rác trên phạm vi cả nước, bao gồm cả khu vực đô thị, nông thôn. Doanh nghiệp tư nhân ưu tiên đầu tư khu vực có

điều kiện kinh tế cao, hạn chế khu vực nông thôn, khu vực nghèo; ngoài ra, chất lượng đầu tư, năng lực vận hành của đa số đơn vị cấp nước quy mô nhỏ, phân tán còn hạn chế, hiệu quả thấp nên chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Với quá trình đô thị hóa nhanh, ranh giới đô thị và nông thôn luôn biến động đang tác động đến hiệu quả đầu tư và khả năng kế thừa, cải tạo công trình cấp nước nông thôn hiện hữu.

- Công trình cấp nước quy mô vùng từ 02 tỉnh chưa có quy định đầy đủ của pháp luật nên việc đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các công trình này chưa có sự tham gia của các Bộ, ngành, địa phương còn hạn chế.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, cần thiết đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng từ 02 tỉnh, dẫn nguồn nước từ xa, chi phí đầu tư lớn, hiệu quả đầu tư thấp. Hiện nay chưa có cơ chế chính sách hướng dẫn về hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành và sự tham gia của các Bộ ngành, địa phương.

3.5.4. Hoạt động đầu tư phát triển cấp, thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, đặc biệt là cấp nước, thu gom, xử lý nước thải vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo

- Đầu tư, quản lý phát triển cấp nước nông thôn (địa bàn rộng, đầu tư dàn trải, dân cư phân tán,...)

Trong những năm qua, các dự án cấp nước nông thôn được Chính phủ quan tâm, hỗ trợ đầu tư từ Chiến lược, Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các chương trình dự án phát triển nông thôn khác đã góp phần nâng tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh. Bên cạnh kết quả đạt được, do mật độ dân cư nông thôn thấp, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, suất đầu tư cấp nước rất cao; công trình cấp nước quy mô nhỏ lẻ, nguồn nước thường không bền vững (cạn kiệt hay ô nhiễm), giá nước thấp không đủ chi phí tái đầu tư và vận hành bảo dưỡng.

- Nguồn lực đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải từ ngân sách nhà nước còn hạn chế; việc tiếp cận cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa chưa hiệu quả, khó thực hiện. Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải khu vực đô thị thấp chiếm gần 15% lượng nước thải xả ra môi trường.

Nguồn vốn đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải chủ yếu từ nguồn ODA, chưa tương xứng với nhu cầu thực tế về vốn đầu tư rất lớn. Giá nước thải thấp chưa tạo động lực cho huy động tư nhân đầu tư. Đầu tư không đồng bộ giữa mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải nên không khai thác hết công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải, giảm hiệu quả đầu tư công trình¹¹. Nhiều hệ thống thoát nước mưa (nước mặt) tại các đô thị bị vượt tải, khả năng

¹¹ Trung bình thực tế mới đạt khoảng 50% công suất thiết kế do mạng lưới thu gom, đầu nổi thoát nước thải chưa được thực hiện, nguồn ngân sách hạn hẹp, trong khi việc thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách khó khăn, dẫn đến việc triển khai đầu nổi còn nhiều hạn chế.

thoát nước không theo kịp thực tiễn của tác động biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Khi triển khai các dự án giao thông đường bộ, công tác thi công nhiều tuyến đường đã ảnh hưởng đến bảo đảm cấp nước an toàn và trách nhiệm di dời, đền bù, đường ống cấp, thoát nước:

Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định hạ tầng cấp, thoát nước được bố trí theo hành lang kỹ thuật các tuyến giao thông. Tuy nhiên, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Khoản 8, Khoản 9 Điều 28) quy định các công trình hạ tầng dọc theo các tuyến giao thông phải tự di dời toàn bộ tuyến ống, không đòi hỏi bồi hoàn khi ngành đường bộ có nhu cầu di dời; quy định này chưa đồng bộ với phát triển hạ tầng khác, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của một số doanh nghiệp khi phải tự bỏ chi phí di dời các tuyến ống cấp, thoát nước.

3.5.5. Công trình cấp, thoát nước thiếu bền vững, hiệu quả, chất lượng dịch vụ, công tác quản lý vận hành còn nhiều hạn chế

- Mô hình tổ chức quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn chưa thống nhất, năng lực vận hành công trình cấp nước quy mô nhỏ, phân tán chưa đáp ứng yêu cầu:

Đối với khu vực nông thôn, mô hình quản lý cấp nước đa dạng bao gồm: Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã, thôn, bản, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty cổ phần hoặc tư nhân. Năng lực vận hành công trình cấp nước nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu, giá nước thấp không đủ chi phí đầu tư cải tạo, duy tu bảo dưỡng công trình.

- Đơn vị cấp nước có vốn nhà nước gặp khó khăn khi đầu tư, mở rộng vùng phục vụ cấp nước hoặc tiếp nhận công trình cấp nước thuộc tài sản nhà nước:

Doanh nghiệp cấp nước có vốn nhà nước chi phối không được tham gia đấu thầu mở rộng vùng phục vụ cấp nước; doanh nghiệp cấp nước cổ phần hóa không được tiếp nhận tài sản công trình cấp nước hoặc tăng vốn cổ phần nhà nước do quy định “*khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn*” không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần (quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).

- Chất lượng dịch vụ cấp nước gắn liền với việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; Trách nhiệm lập, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của doanh nghiệp cấp nước không cao; công cụ pháp lý và trách nhiệm của chính quyền địa phương liên quan đến kiểm soát việc thực hiện cấp nước an toàn chưa đầy đủ:

Việc thực hiện cấp nước an toàn quy định tại thông tư 08/2012/TT-BXD về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn và Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025, tính pháp lý chưa cao, trách nhiệm thi hành còn hạn chế.

- Mô hình tổ chức quản lý vận hành công trình thoát nước và xử lý nước thải không thống nhất tại các địa phương; năng lực quản lý vận hành chưa đáp ứng yêu cầu¹²:

Mô hình tổ chức quản lý vận hành thoát nước tại các địa phương rất khác nhau tùy theo nhu cầu thực tế, theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu phụ thuộc vào nguồn ngân sách phân bổ hàng năm của tỉnh/thành phố. Có tỉnh thành lập đơn vị thoát nước riêng, có tỉnh lồng ghép với doanh nghiệp về môi trường, phát triển đô thị. Đơn vị thoát nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, TNHH MTV, HTX dẫn đến quyền chủ động trong hoạt động quản lý vận hành và phát triển hệ thống thoát nước còn nhiều hạn chế.

- Công tác quản lý, vận hành công trình thoát nước và xử lý nước thải gặp khó khăn, giá dịch vụ nước thải thấp chưa đủ chi phí vận hành:

Văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định rõ dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải, trách nhiệm của người xả nước thải, hợp đồng dịch vụ về nước thải sinh hoạt dẫn đến giá thu gom xử lý nước thải thấp, không đủ chi phí vận hành công trình; nguồn ngân sách nhà nước phải chi phí rất lớn cho đầu tư công trình còn phải hỗ trợ cho chi phí vận hành công trình.

- Nhiều đô thị đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải nhưng vận hành không đạt công suất thiết kế:

Mạng công thu gom chưa đầu tư đồng bộ, người dân chưa đấu nối với hệ thống thoát nước do chi phí đầu tư đấu nối lớn và liên quan đến nhiều công trình hạ tầng khác; trong khi nguồn lực đầu tư cho thu gom, xử lý nước thải còn rất hạn chế.

- Kiểm soát ô nhiễm do nước thải trong quá trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải chưa được quan tâm đúng mức, đang tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:

Quá trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải phụ thuộc nhiều yếu tố như công nghệ xử lý nước thải, năng lực vận hành, sự biến động chất lượng nước thải đầu vào, ý thức xả thải, tiết giảm chi phí vận hành, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, hư hỏng công trình; đang tác động đến quản lý thoát nước an toàn và bền vững

¹² Hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ thoát nước, tập trung tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, ... Khoảng 20 doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong cả lĩnh vực thoát nước và cấp nước, còn lại các doanh nghiệp khác hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả môi trường và xã hội.

- *Tình trạng ngập úng do mưa lũ ngày càng nặng nề cùng với sự phát triển đô thị:*

Công tác quy hoạch thoát nước chưa gắn với quản lý cao độ nền, tiêu thoát nước thủy lợi và phát triển đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khác. Nguồn lực đầu tư hệ thống tiêu thoát nước mưa còn hạn chế.

3.5.6. Việc ban hành giá nước sạch gặp nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn thấp, hạn chế huy động nguồn lực đầu tư

Trên địa bàn mỗi tỉnh khu vực đô thị có khoảng 5 đến trên 10 doanh nghiệp, khu vực nông thôn có từ vài chục đến hàng trăm doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, vận hành công trình cấp nước. Mỗi tỉnh sẽ có nhiều giá nước sạch theo các vùng phục vụ cấp nước, việc kiểm soát và ban hành giá bán nước gây khó khăn cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, đặc biệt khi giá nước sạch không thống nhất ở khu vực dân cư. Đối với khu vực nông thôn, giá nước sạch quá thấp không đảm bảo đủ chi phí tái đầu tư, thậm chí cả chi phí vận hành, bảo trì công trình.

Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải chỉ đáp ứng một phần chi phí quản lý, vận hành (chưa kể chi phí thu hồi vốn đầu tư); nhiều địa phương vẫn ban hành phí bảo vệ môi trường đối với nước thải chưa tiếp cận nguyên tắc người gây ô nhiễm có trách nhiệm trả tiền. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thấp gây khó khăn trong việc huy động nguồn lực tư nhân đầu tư, quản lý vận hành công trình hệ thống thoát nước. Việc xây dựng giá dịch vụ thoát nước và lộ trình giá dịch vụ thoát nước ở các địa phương còn nhiều bất cập do phương pháp định giá, lập định mức, đơn giá còn chưa phù hợp với thực tiễn, khó áp dụng; một số định mức, đơn giá chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ xử lý nước thải.

3.5.7. Công tác quản lý nhà nước về cấp, thoát nước còn chồng chéo, chưa thống nhất

Quản lý cấp nước chưa đồng bộ, thống nhất, quản lý nhà nước về cấp nước bị cắt khúc theo địa bàn; cấp nước khu vực đô thị và khu vực nông thôn khác nhau từ công tác quy hoạch, quản lý đầu tư đến chất lượng đầu tư xây dựng công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước.

Công tác đầu tư phát triển cấp, thoát nước thiếu sự quan tâm, điều tiết của nhà nước dẫn đến tỷ lệ bảo phủ dịch vụ và chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn chênh lệch rất lớn. Cùng với quá trình xã hội hóa, vai trò quản lý nhà nước về cấp nước từ trung ương đến địa phương ngày càng hạn chế và giảm dần; các chế tài về thực thi, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đang tham chiếu từ các văn bản pháp luật có liên quan để vận dụng vào lĩnh vực cấp thoát nước. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay đang thiếu quy định pháp lý cao nhất về quản lý hoạt động cấp, thoát nước, thiếu ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cấp nước an toàn, quản lý

thoát nước an toàn và bền vững, có nguy cơ mất kiểm soát, mất an ninh, an toàn cấp, thoát nước.

3.6. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.6.1. Nguyên nhân chủ quan

- Pháp luật cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đang quy định trong văn bản nghị định, chưa đầy đủ, hiệu lực chưa cao; chưa đồng bộ hệ thống pháp luật bằng văn bản luật của các lĩnh vực có liên quan về quản lý tài nguyên nước, công tác quy hoạch, công tác đầu tư, xây dựng, vận hành công trình và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

- Công tác điều tra cơ bản, cơ sở dữ liệu thiếu hoặc không có gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành.

- Chất lượng nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch xây dựng chưa thực sự bám sát yêu cầu thực tiễn; công tác điều tra cơ bản, dự báo chưa đủ cơ sở, thiếu tầm nhìn dài hạn; nhiều đồ án quy hoạch cấp, thoát nước phải điều chỉnh nhiều lần.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên và có lúc chưa chặt chẽ; nhiều lúc khi xảy ra sự cố, vi phạm pháp luật đã ảnh hưởng việc cấp nước an toàn liên tục cho người dân cũng như gây ô nhiễm môi trường do nước thải.

3.6.2. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách pháp luật có những thay đổi, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (như Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Xây dựng năm 2014 được điều chỉnh năm 2020, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Thủy lợi năm 2017, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020...) tác động đến sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy định pháp luật cũng như hạn chế việc thực thi pháp luật về cấp, thoát nước do chưa có luật.

- Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ phát triển đô thị cùng với quá trình tập trung dân cư diễn ra với tốc độ nhanh; tác động biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng; vì vậy, bảo đảm nguồn nước sạch là nhu cầu thiết yếu của con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bên cạnh đó, cần phải xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do nước thải và kiểm soát ngập lũ.

3.7. Kinh nghiệm quốc tế về Luật chuyên ngành cấp, thoát nước

Qua kinh nghiệm quốc tế về quản lý cấp, thoát nước của 20 nước (bao gồm các nhóm: (i) các nước châu Á (Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Indônêsi-a, Philippines, Trung Quốc, Cambodia, Nhật Bản...); (ii) các nước Châu Âu (Phần Lan, Anh, Estonia, Romania, Hungary, Thụy Điển...); (iii) châu

Úc: Nam Úc – Úc, Victorya - Úc...); (iii) các nước Châu Mỹ (Mỹ, Canada,...)); thoát nước khoảng 10 nước (khu vực Châu Á: Nhật Bản, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Ấn Độ; Châu Âu và Mỹ: Mỹ, Châu Âu, Canada (Thành phố Toronto); châu Úc: Úc).

Hiện nay, hầu hết các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới đều có Luật Cấp nước, Luật Thoát nước hoặc Luật Cấp, thoát nước hoặc kết hợp với một số lĩnh vực khác như tài nguyên nước, sức khỏe cộng đồng, xây dựng... Nội dung Luật cấp thoát nước của các quốc gia chủ yếu quy định về quản lý đầu tư, vận hành và bảo dưỡng công trình cấp, thoát nước, quản lý đầu nối, chất lượng dịch vụ, vai trò, công cụ kiểm soát của Chính phủ. Tùy theo điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội của mỗi nước, đa số Chính phủ các quốc gia quản lý cấp, thoát nước bao gồm cả quản lý tài sản hoặc chiếm cổ phần chi phối như Nhật, Hàn Quốc, Úc, Malaysia,...; một số ít các quốc gia giao cho khối tư nhân thực hiện như Anh, Estonia,... và quy định các chính sách để quản lý hoạt động cấp, thoát nước của doanh nghiệp tư nhân bằng quy định pháp luật. Nhìn chung, Chính phủ các nước quan tâm đến việc cung cấp nước sinh hoạt, thu gom xử lý nước thải và phát triển kinh - tế xã hội; giao cho 01 cơ quan cấp Bộ quản lý (có quốc gia do Chính phủ trực tiếp quản lý và thành lập Ủy ban ngành nước) bảo đảm quyền được sử dụng nước sạch hay quyền được tiếp cận nước sạch, đồng thời bảo đảm môi trường sống của người dân.

3.7.1. Những vấn đề chung:

a) Về tên gọi, phạm vi, đối tượng và kết cấu của Luật:

+ Về tên gọi: Đa số Luật riêng cho cấp nước và thoát nước; có 03 Luật chung cấp, thoát nước; bên cạnh đó

+ Về phạm vi, đối tượng: Đối với cấp nước, có 05 Luật hướng đến quy định về dịch vụ cấp nước (Estonia, Phần Lan, Ai-len, Romania, Thụy Điển); còn lại một số quốc gia tập trung vào đối tượng nước phục vụ công cộng (Estonia) hoặc quản lý tài nguyên nước (Hoa Kỳ). Phần lớn các Luật đều có tên gọi chung là Luật về dịch vụ cung cấp nước, đối tượng của Luật cũng tập trung vào kiểm soát công trình cấp nước, chất lượng dịch vụ, chế tài xử lý vi phạm của hệ thống cấp nước tập trung. Đối với thoát nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, Estonia), quản lý lưu vực thoát nước theo lưu vực sông, kiểm soát chất lượng nước xả thải, quản lý công trình xử lý và chất lượng dịch vụ thoát nước, các chế tài xử lý.

+ Về kết cấu, các Luật có kết cấu chủ yếu chia thành các Chương/phần (ngoại trừ Luật của Estonia viết thành 17 Điều và không chia thành các phần); phần mở đầu sẽ là những quy định, nguyên tắc chung, giải thích các thuật ngữ về chuyên ngành sử dụng trong Luật; phần nội dung thường bao gồm các quy định về quản lý vận hành cấp nước, thẩm quyền của quản lý Nhà nước, giá dịch vụ cấp nước, tiêu chuẩn chất lượng nước, kinh doanh và giấy phép,... và phần cuối là các vấn đề về xử phạt, thi hành, chuyển tiếp. Đối với thoát nước (Nhật

Bản, malaysia): Quy định thành các chương, điều bao gồm hệ thống thoát nước công, thoát nước theo lưu vực, phí, kiểm soát dịch vụ, cấp phép, xử phạt.

b) Về vai trò của Luật:

+ *Bảo đảm quyền con người:* Tại Luật của các quốc gia nghiên cứu, nhà nước, Chính phủ phải tạo ra những điều kiện, quy tắc, điều kiện đầu tư thích hợp để cải thiện tình trạng cung cấp nước sạch cho người dân. Việc tạo ra hệ thống khung pháp lý để người dân có thể tiếp cận được nguồn nước sạch là một trong những ưu tiên hàng đầu của mỗi quốc gia.

+ *Đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội:* Tính liên tục trong cấp nước được các quốc gia được đặc biệt coi trọng, đây là một trong những yếu tố cơ bản để đánh giá việc chất lượng nước có bảo đảm an toàn cho người sử dụng, ví dụ như tại Phần Lan, việc ngừng cung cấp nước không được báo trước sẽ được tính như sự cố, tổng thời gian ngừng cấp nước trong năm là cơ sở để người sử dụng có yêu cầu giảm giá nước.

+ *Bảo vệ môi trường:* Luật thoát nước các quốc gia quy định chặt chẽ trong việc quản lý, thu gom, xử lý toàn bộ nước thải kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường.

c) Về quan điểm xây dựng Luật:

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc xây dựng Luật sẽ dựa trên nền tảng các quy định, định hướng đã có về lĩnh vực chuyên ngành, nghiên cứu tác động của các chính sách và đặc biệt phải dung hòa được mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và hài hòa lợi ích của doanh nghiệp tư nhân đảm bảo an sinh xã hội và phát triển cấp nước bền vững. Việc quản lý phát triển hạ tầng cấp nước phải dựa trên quy hoạch, kế hoạch tổng thể có tầm nhìn dài hạn (từ 10-20 năm) được xây dựng bởi cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền và sự tham gia của các đơn vị vận hành công trình cấp nước. Nhìn chung, các bộ Luật được ban hành trong những bối cảnh khác nhau về điều kiện về địa lý, chính trị, nền kinh tế xã hội nhưng tựu chung mục đích là bảo đảm cho việc được tiếp cận với nước sạch của người dân quốc gia đó một cách bền vững, và đây cũng là một quyền cơ bản của con người như đã nêu trên.

3.7.1. Đối với cấp nước:

a) Về quản lý cấp nước:

Trên cơ sở các nghiên cứu có thể thấy rằng có nhiều mô hình quản lý cấp nước tại các quốc gia trên thế giới, song tập trung chủ yếu có các hình thức chủ yếu như sau:

- *Mô hình sở hữu công:* việc cấp nước thuộc trách nhiệm hoàn toàn của chính quyền (xây dựng thể chế, xây dựng hệ thống, mạng lưới, cung cấp nước sạch,..)

- Mô hình sở hữu tư nhân: Năm 1989, Anh và xứ Wale khởi xướng một trong những mô hình tư nhân hóa hiện đại đầu tiên trong ngành nước. Chính phủ bán lại mười công ty nước thuộc sở hữu công – bao gồm các tài sản công trình cấp thoát nước và giấy phép hoạt động – đồng thời thiết lập một đơn vị quản lý độc lập mới. Những cải tổ này đã tạo ra một số lượng lớn các hạng mục đầu tư mới, hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn nước uống khắt khe hiện nay của thế giới, chất lượng nước tốt hơn và hệ thống định giá nước sạch minh bạch hơn. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong giai đoạn quản lý đầu tiên này cũng cho thấy một số bài học về các yêu cầu thông tin liên quan đến việc quản lý hiệu quả và các rủi ro đối với sự độc lập về chính trị của đơn vị quản lý.

- Mô hình kết hợp giữa sở hữu công và sự tham gia của khối tư nhân: chính quyền địa phương là chủ sở hữu các công trình hạ tầng và cho tư nhân thuê quản lý vận hành hoặc khu vực tư nhân cũng có thể đầu tư vào các công trình hạ tầng sau đó cho chính quyền địa phương thuê lại, song không sở hữu toàn bộ tài sản hay được phép độc quyền quyết định việc cung cấp nước.

b) Quy định về quản lý rủi ro bảo đảm cấp nước an toàn:

Quản lý rủi ro cấp nước hiện đã và đang được quan tâm tại các quốc gia phát triển, tuy nhiên, việc quản lý rủi ro đã được các nước tiên tiến đi đầu trong lĩnh vực cấp nước như bang Victoria của Úc đã phát triển thành Luật từ năm 2003 với tên gọi đạo Luật về nước uống an toàn (Safe Drinking Water act 2003), đến năm 2005, để nâng cao chất lượng về nước uống nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và an sinh xã hội, Quy định về nước uống an toàn được ban hành (Safe Drinking Water regulations 2005) và Quy định này được sửa đổi năm 2015 và giữ nguyên tên gọi. Trong đó, quy định cụ thể các yêu cầu bắt buộc về việc lập kế hoạch quản lý rủi ro đối với mỗi công ty cấp nước và kế hoạch này sẽ được cấp chứng nhận bởi kiểm toán viên của Bộ Y tế.

c) Quy định về giá nước sạch:

Nguyên tắc bảo đảm tính đủ chi phí cần thiết đối với các dịch vụ cấp nước được áp dụng ở nhiều quốc gia. Nhà nước sẽ có vai trò xây dựng khung các chi phí cấu thành giá nước, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng khu vực, từng địa phương sẽ xây dựng các phương án giá riêng trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ và phải đảm bảo trong khả năng chi trả của người dân. Mặt khác, lợi nhuận của các công ty cấp nước cũng sẽ được bảo đảm ở một định mức vừa phải do nhà nước quy định để đầu tư phát triển cấp nước và bảo đảm cấp nước bền vững, an toàn. Các khoản chi phí này được các công ty công khai, minh bạch.

d) Quy định về cấp phép hoạt động của công ty cấp nước

Tại nhiều quốc gia như Estonia, Malaysia, Hàn Quốc..., cấp phép hoặc quyết định ủy quyền đối với dịch vụ cấp nước là cơ sở để ràng buộc về điều kiện được phép kinh doanh nước sạch của chính quyền đối với đơn vị tư nhân. Các

hình thức cấp phép có thể thể hiện bằng việc ủy quyền hoặc giấy phép hoạt động (Estonia: hợp đồng, Malaysia: giấy phép, Hàn Quốc: Ủy quyền). Nội dung của việc cấp phép cơ bản bao gồm quyền quản lý công trình cấp nước, quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước, khu vực cung cấp dịch vụ cấp nước, các điều khoản về chuyển nhượng, gia hạn, thu hồi, cấp lại... Trong bối cảnh xã hội hóa ngành cấp nước, việc cấp phép cho hoạt động kinh doanh nước sạch là cần thiết đối với quản lý nhà nước trong việc ràng buộc trách nhiệm của khối tư nhân khi tham gia vào lĩnh vực cấp nước vốn được coi là lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến đời sống, an sinh xã hội.

e) Về xã hội hóa, cải cách ngành nước

Việc thu hút doanh nghiệp tư nhân tham gia sẽ làm tăng hiệu quả cung cấp các dịch vụ cấp nước. Tuy nhiên, do tính chất quan trọng về mặt an sinh, xã hội của ngành nước, Nhà nước cần có chế tài quản lý các thành phần kinh tế tham gia phù hợp. Công cụ quản lý của Nhà nước có thể bao gồm: Quy định về tỷ lệ tham gia của các thành phần kinh tế trong doanh nghiệp cấp thoát nước cổ phần hoá; Áp dụng quản lý theo hợp đồng để đảm bảo tính ổn định, chất lượng và giá thành dịch vụ và thu hút được các nhà đầu tư tham gia hiệu quả và mang lại lợi nhuận; Đưa ra các điều kiện tham gia đối với các Nhà đầu tư, đơn vị quản lý vận hành để đảm bảo được việc lựa chọn các đơn vị có năng lực tốt; Đưa ra điều kiện đối với cổ đông chiến lược của các doanh nghiệp cổ phần hóa...

3.7.2. Về thoát nước và xử lý nước thải:

a) Công tác quản lý và phát triển hệ thống thoát nước hiệu quả

Nguyên tắc “quy hoạch đi trước xây dựng” và quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, quy hoạch tổng thể sử dụng đất, quy hoạch phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm nước, quy hoạch chống ngập lụt và phải gắn với với các quy hoạch chuyên ngành xây dựng và phát triển đô thị, đường giao thông, không gian xanh và hệ thống sông ngòi. Về cơ bản cũng phù hợp với định hướng lập và thực hiện quy hoạch của Việt Nam.

Chính phủ có thẩm quyền hành pháp đối với tất cả các vấn đề liên quan đến hệ thống và dịch vụ thoát nước và chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên phạm vi cả nước. Cơ quan có thẩm quyền về thoát nước đô thị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý việc thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn hành chính của mình.

b) Về chất lượng dịch vụ thoát nước

Việc xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải sẽ được ưu tiên trong các dân cư mới trên cơ sở quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị và các công trình đã xây dựng hoặc sắp xây dựng không đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia liên quan sẽ được xây dựng lại dựa trên kế hoạch xây dựng lại

hàng năm để tăng cường khả năng thoát nước và xử lý nước thải đô thị. Chỉ những đơn vị thiết kế đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu mới được thiết kế, giám sát và quản lý công trình thoát nước.

Đơn vị quản lý hệ thống thoát nước phải có những nhân lực đủ năng lực theo quy định để duy trì hệ thống thoát nước. Sau khi công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị được nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền về thoát nước đô thị xác định đơn vị vận hành, bảo trì công trình đủ năng lực để chủ trì quản lý theo hình thức đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ. Trường hợp hợp đồng nhượng quyền, ủy thác vận hành có phát sinh phí dịch vụ giảm thiểu ô nhiễm và xử lý nước thải, cơ quan quản lý thoát nước đô thị có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường và cơ quan định giá.

Hệ thoát nước trong phạm vi bao phủ của công trình thoát nước đô thị có trách nhiệm xả nước thải vào công trình thoát nước đô thị theo quy định của nhà nước có liên quan. Không xả nước thải vào mạng lưới đường ống nước mưa tại khu vực có hệ thống nước mưa và nước thải riêng biệt.

c. Vấn đề tài chính trong hoạt động thoát nước

Nhà nước có thể trợ cấp cho chính quyền địa phương lắp đặt hoặc xây dựng lại hệ thống thoát nước công cộng/khu vực hoặc hệ thống thoát nước mưa đô thị đối với một phần chi phí cần thiết cho việc lắp đặt hoặc xây dựng lại. Nhà nước khuyến khích thu hút các quỹ xã hội hóa để xây dựng và vận hành các công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị dưới nhiều hình thức như nhượng quyền thương mại, mua dịch vụ của Chính phủ.

Từ yêu cầu thực tế về quản lý phát triển cấp, thoát nước Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế, việc ban hành Luật mới điều chỉnh về cấp, thoát nước là hết sức cần thiết, nhằm kịp thời thể chế hóa định hướng lãnh đạo của Đảng về bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, kiểm soát ô nhiễm từ nước thải và chống ngập lũ; làm công cụ pháp lý, quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao, đồng bộ, thống nhất, nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải. Luật Cấp, Thoát nước sẽ là công cụ quan trọng nhằm tăng cường nguồn lực ngân sách và xã hội giúp chính quyền các địa phương quản lý, xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước hiệu quả, bền vững phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, bảo vệ sức khỏe người dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ làm công cụ quản lý, phát triển cấp, thoát nước từ định hướng, quy hoạch, đầu tư xây dựng đến khai thác vận hành nhằm cung cấp nước sạch ổn định, bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe con người,

đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cấp, thoát nước và bảo đảm quyền được tiếp cận nguồn nước sạch của người dân, quyền xả thải có kiểm soát. Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư và vận hành công trình cấp, thoát nước; hỗ trợ đầu tư công trình cấp, thoát nước nông thôn, các khu vực khó khăn về nguồn nước, dân cư phân tán.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, kiểm soát quá trình đầu tư phát triển cấp, thoát nước theo quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Các quy định của luật phải bảo đảm đồng bộ với các pháp luật liên quan, thúc đẩy đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước; kiểm soát hoạt động cấp nước, thoát nước theo hướng sản xuất kinh doanh có điều kiện và chịu sự kiểm soát của Nhà nước.

- Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tế, khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính, thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; thu gom, xử lý nước thải theo lưu vực thoát nước, lưu vực sông, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo đảm an sinh xã hội.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và đầu tư phát triển công trình cấp, thoát nước theo hướng thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Yêu cầu xây dựng luật

a) Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan và hệ thống các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường;

b) Kế thừa, phát triển những quy định từ Nghị định số 117 và Nghị định số 80 (luật hóa); quy định các nội dung về cấp, thoát nước còn thiếu, khoảng trống trong các luật hiện hành; bổ sung các quy định có tính chuyên ngành bảo đảm tính đồng bộ với các luật khác; đáp ứng yêu cầu, nội dung quản lý cấp, thoát nước bằng Luật;

c) Giải quyết được các tồn tại, bất cập trong công tác quản lý cấp, thoát nước trên thực tế; xử lý được khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân kiến nghị trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật cấp, thoát nước trong thời gian qua;

d) Nội dung các quy định của Luật phải rõ ràng và có tính khả thi, dài hạn và phù hợp với thời kỳ phát triển công nghệ số;

đ) Phù hợp với các Điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham gia, ký kết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước, Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau đây:

1. Ngày 17/3/2023, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 992/BXD-HTKT và 993/BXD-HTKT gửi các địa phương đề nghị báo cáo tình hình triển khai thực hiện và khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật gửi đến các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo 3 nhóm nội dung: (1) Tình hình triển khai thực hiện; (2) Các khó khăn, vướng mắc; (3) Đề xuất, kiến nghị nội dung Xây dựng Luật Cấp thoát nước. Tính đến ngày 10/7/2023, đã có 60/63 tỉnh, thành gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để tổng hợp.

2. Bộ Xây dựng đã tổ chức và phối hợp tổ chức 04 Hội thảo¹³ tại 3 miền Bắc, Trung, Nam nhằm trao đổi tham vấn ý kiến của các Bộ, ngành địa phương, các nhà quản lý, các chuyên gia, nhà khoa học đại diện các đơn vị quản lý vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, tổ chức quốc tế...

3. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước, gửi lấy ý kiến các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Giao Thông, Công An tại văn bản số .../BXD-HTKT ngày .../.../2023; đồng thời lấy ý kiến rộng rãi trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. Đến ngày .../.../2023, Bộ Xây dựng đã nhận được các văn bản góp ý và tiếp thu, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước.

4. Ngày .../.../2023, Bộ Xây dựng có văn bản số .../.../2023 gửi Bộ Tư pháp để thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Về tên gọi: Luật Cấp, Thoát nước.

Luật Cấp, Thoát nước quy định về điều tra cơ bản, định hướng, quy hoạch, đầu tư phát triển dịch vụ cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, nông thôn và khu chức năng; quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong

¹³ Hội thảo: tại TP. Đà Nẵng (ngày 21/4/2023), TP. Hà Nội (ngày 02/6/2023), TP. Cần Thơ (ngày 16/6/2023), và tham gia trình bày tại Hội thảo tại tỉnh Quảng Ninh (ngày 09/6/2023) do Hội Cấp thoát nước Việt Nam tổ chức.

hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

Bộ Xây dựng trình Chính phủ hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước với 04 chính sách sau:

1. Chính sách 01: Phát triển hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, thống nhất và hiệu quả theo chiến lược, quy hoạch và kế hoạch.

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phục vụ xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước đáp ứng công tác quản lý nhà nước, đầu tư phát triển và quản lý, vận hành công trình.

- Bảo đảm xây dựng hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, thống nhất theo chiến lược phát triển, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Kế hoạch phát triển các công trình cấp, thoát nước phù hợp với quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và chiến lược phát triển cấp, thoát nước.

- Đầu tư phát triển cấp, thoát nước phù hợp quy hoạch, chiến lược và kế hoạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch và yêu cầu bảo vệ sức khỏe, môi trường sống của người dân.

1.2. Nội dung của chính sách

1.2.1. Thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phục vụ công tác quản lý nhà nước, đầu tư phát triển và quản lý, vận hành công trình

Quy định về thông tin điều tra; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; quản lý, chia sẻ thông tin điều tra và chế độ báo cáo; nguồn lực cho điều tra cơ bản.

1.2.2. Xây dựng chiến lược phát triển cấp, thoát nước nước 10 năm, 20

năm phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Đưa quan điểm, chỉ đạo của Đảng, nhà nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trở thành mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình, đề án thực hiện theo từng thời kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển cấp, thoát nước.

1.2.3. Bảo đảm quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, thống nhất trong các đề án quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Phương án 1: Quy hoạch cấp, thoát nước là một nội dung trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng: Bổ sung các quy định cụ thể về nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; bổ sung tính pháp lý cho kế hoạch cấp, thoát nước hướng dẫn thực hiện quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Phương án 2: Quy hoạch cấp nước chuyên ngành được lập riêng cho tỉnh nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch tỉnh; quy hoạch thoát nước chuyên ngành được lập riêng cho đô thị từ loại III trở lên nhằm cụ thể hóa quy hoạch thoát nước trong quy hoạch chung đô thị.

- Quy định phân vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch cấp nước, hướng tới phát triển hệ thống cấp nước tập trung quy mô lớn, phạm vi cấp nước rộng, hỗ trợ phát triển cấp nước nông thôn (khắc phụ tình trạng đầu tư manh mún, nhỏ lẻ kém hiệu quả); xác định vùng phục vụ cấp nước cho đơn vị cấp nước trên cơ sở phân vùng cấp nước.

- Quy định phân vùng thoát nước theo điều kiện địa hình, phân bố dân cư, điều kiện kinh tế, kỹ thuật, tiêu thoát nước thủy lợi và lưu vực sông.

1.2.4. Xây dựng kế hoạch phát triển cấp, thoát nước 05 năm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Quy định nguồn lực, giải pháp, kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh; làm cơ sở lập các dự án đầu tư theo từng giai đoạn.

1.2.5. Bảo đảm nguồn nước phục vụ cho cấp nước sinh hoạt

Bổ sung quy định về nguồn nước ưu tiên phục vụ cho cấp nước sinh hoạt liên quan đến hành lang bảo vệ, kiểm soát ô nhiễm, điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an ninh cấp nước chưa được quy định trong Luật Tài nguyên nước.

1.2.6. Đầu tư công trình cấp, thoát nước phù hợp quy hoạch, kế hoạch; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch và yêu cầu bảo vệ môi trường

- Quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động, dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Quy định nguyên tắc phân bổ nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác cho các dự án đầu tư công trình cấp, thoát nước.

- Quy định nguyên tắc sử dụng vật liệu, trang thiết bị cho công trình cấp nước đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng nước sinh hoạt; vật liệu ống và trang thiết bị nằm chìm dưới đất đáp ứng yêu cầu chống ăn mòn, độ bền cao theo thời gian.

- Quy định về đầu tư công trình cấp nước quy mô từ 02 tỉnh trở lên.

- Quy định về đầu tư công trình xử lý bùn thải từ hệ thống cấp, thoát nước.

- Quy định về đầu tư công trình cấp nước nông thôn phân tán, vùng sâu, xa, biên giới và hải đảo.

- Quy định về đầu tư công trình xử lý nước thải phân tán khu vực dân cư quy mô nhỏ;

- Quy định tiền xử lý nước thải và xử lý nước thải tại chỗ đối với khu vực có hệ thống thoát nước chung và hệ thoát nước riêng lẻ.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

1.3.1. Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành

Kế thừa các quy định bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước, quy hoạch, đầu tư, xây dựng.

1.3.2. Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành

Kế thừa một số nội dung cơ bản đã được quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 và bổ sung một số quy định có tính chuyên ngành và nâng cao để đáp ứng điều kiện thực tiễn đặt ra. Bổ sung quy định về điều tra cơ bản, xây dựng chiến lược phát triển cấp, thoát nước; quy định cụ thể việc xác định vùng cấp nước trong quy hoạch cấp nước.

1.3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quy định pháp luật hiện hành

Để khắc phục tình trạng đầu tư cấp nước nhỏ lẻ, manh mún, định hướng phát triển hệ thống cấp nước tập trung quy mô lớn, phạm vi cấp nước rộng theo vùng cấp nước bao gồm cả đô thị, nông thôn, phải được thể hiện trong quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch có nhiều nội dung, chỉ đáp ứng tính định hướng. Do đó, lựa chọn phương án 2 về lập quy hoạch quy hoạch chuyên ngành cấp nước tỉnh nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch tỉnh. Theo đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định lập quy hoạch cấp nước chuyên ngành trong Luật Quy hoạch năm 2017.

Các đô thị từ loại III trở lên có phạm vi, khối lượng thoát nước, xử lý nước thải rất lớn; giải pháp về thoát nước, xử lý nước thải phức tạp, phân chia nhiều tiểu lưu vực thoát nước và cần bố trí một số nhà máy xử lý nước thải. Quy định lập quy hoạch thoát nước chuyên ngành, giải quyết các yêu cầu thực tế có tính chuyên ngành nhằm xác định cụ thể giải pháp thoát nước, các dự án đầu tư và lộ trình, kế hoạch thực hiện. Theo đó, bổ sung trong dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quy định về quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải chuyên ngành được lập riêng cho đô thị từ loại III trở lên.

1.3.4. Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật

- Quy định chương 01 về quy định chung, từ Điều 1 đến Điều 15, bao gồm các nội dung liên quan đến cấp thoát nước như giải thích từ ngữ, sử dụng tài nguyên đất, nước, các hành vi bị cấm...

- Quy định Chương 02 về điều tra cơ bản và xây dựng cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch, từ Điều 16 đến Điều 22, bao gồm các nội dung liên quan đến điều tra cơ bản, cơ sở dữ liệu, chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước.

- Quy định Chương 03 về đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 23 đến Điều 31, bao gồm các nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước có tính chuyên ngành.

- Đối với những nội dung cụ thể, kiến nghị giao Chính phủ, Bộ Xây dựng quy định chi tiết.

2. Chính sách 02: Nâng cao chất lượng dịch vụ và đổi mới mô hình quản lý vận hành hệ thống cấp, thoát nước

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị cấp, thoát nước đáp ứng năng lực tài chính, kỹ thuật trong đầu tư, vận hành công trình.

- Quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả kinh tế.

- Nâng cao trách nhiệm, vai trò quản lý nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của đơn vị cấp, thoát nước trong quản lý, cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước.

- Quản lý dịch vụ cấp, thoát nước, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của đơn vị cấp, thoát nước và khách hàng sử dụng dịch vụ.

- Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sạch và quản lý thoát nước an toàn và bền vững.

2.2. Nội dung của chính sách

2.2.1. Lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị cấp, thoát nước, chủ đầu tư các dự án

cấp, thoát nước đáp ứng năng lực tài chính, kỹ thuật trong đầu tư, vận hành công trình

Quy định nguyên tắc lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị cấp nước, thoát nước tham gia đầu tư, vận hành công trình. Quy định cấp giấy phép “thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải” cho đơn vị thoát nước để tham gia quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước.

Quy định về vùng phục vụ cấp nước, các yêu cầu đối với vùng phục vụ cấp nước; điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước khi không đáp ứng chất lượng dịch vụ và không bảo đảm cấp nước an toàn.

Quy định lưu vực thoát nước mưa, lưu vực thu gom, xử lý nước thải; trách nhiệm quản lý lưu vực thoát nước.

2.2.2. Quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả kinh tế

Quy định về mô hình tổ chức đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước; các yêu cầu về quản lý, vận hành công trình.

Quy định quản lý vận hành hồ điều hòa, thoát nước mưa và chống ngập; Quy định tái sử dụng nước mưa, nước thải sau xử lý.

Quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng, đầu tư cải tạo, duy trì tài sản công trình cấp, thoát nước.

2.2.3. Nâng cao trách nhiệm, vai trò quản lý nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của đơn vị cấp, thoát nước trong quản lý, cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước

Quy định về Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước (giữa UBND cấp tỉnh với đơn vị cấp nước); Hợp đồng thuê, giao quản lý vận hành công trình thoát nước, xử lý nước thải; Hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước.

2.2.4. Quản lý dịch vụ cấp, thoát nước, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của đơn vị cấp, thoát nước và khách hàng sử dụng dịch vụ

Quy định chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước; Quy định quyền lợi, nghĩa vụ của đơn vị cấp, thoát nước; Quy định quyền lợi, trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước và xả nước thải.

Hợp đồng cung cấp nước sạch (giữa doanh nghiệp cấp nước với khách hàng sử dụng nước); Hợp đồng cấp nước bán buôn giữa doanh nghiệp cấp nước bán buôn và bán lẻ; Hợp đồng dịch vụ thoát nước (giữa chính quyền địa phương hoặc cơ quan được ủy quyền với khách hàng xả nước thải).

Quy định về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ cho đơn vị thoát nước thực hiện.

Quy định quản lý đấu nối cấp nước; quản lý đấu nối thoát nước mưa và xả

nước thải.

2.2.5. Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sạch, quản lý thoát nước an toàn và bền vững

Quy định bảo đảm cấp nước an toàn, bảo vệ công trình cấp nước; quản lý thoát nước an toàn và bền vững; vai trò của quản lý nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp; quy định điều kiện kinh doanh nước sạch

Quy định về Cấp giấy phép kinh doanh nước sạch cho đơn vị cấp nước nhằm kiểm soát tính độc quyền tự nhiên về cấp nước theo vùng phục vụ khi thực hiện xã hội hóa cấp nước.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

2.3.1. Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, doanh nghiệp liên quan đến lựa chọn chủ đầu tư dự án, vận hành công trình, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp.

2.3.2. Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành

Kế thừa một số nội dung đã quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 quy định về vùng phục vụ cấp nước, điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước; quản lý lưu vực thoát nước mưa và thoát nước thải; quản lý của chính quyền địa phương thông qua các hợp đồng kinh tế và kiểm soát chất lượng dịch vụ thông qua các hợp đồng dịch vụ giữa doanh nghiệp và người sử dụng nước sạch, xả nước thải; việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn. Bổ sung quy định quản lý thoát nước an toàn và bền vững nhằm kiểm soát rủi ro đối với quá trình thu gom, xử lý nước thải. Bổ sung quy định kinh doanh có điều kiện đối với nước sinh hoạt theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020; quy định cấp giấy phép “thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải”.

2.3.3. Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật

- Quy định Chương 4 về vận hành, khai thác công trình cấp, thoát nước, từ Điều 32 đến Điều 45, bao gồm các nội dung liên quan đến vận hành công trình, lựa chọn đơn vị cấp, thoát nước, năng lực vận hành công trình thoát nước, vùng phục vụ cấp nước, lưu vực thoát nước phù hợp với thực tiễn quản lý cấp, thoát nước.

- Quy định Chương 5 về quản lý dịch vụ cấp, thoát nước, từ Điều 46 đến Điều 54, bao gồm các nội dung liên quan đến chất lượng dịch vụ; quản lý dịch vụ; trách nhiệm của đơn vị cấp, thoát nước, chính quyền địa phương và người sử dụng dụng nước, xả thải liên quan đến dịch vụ cấp, thoát nước; quy định bảo đảm cấp nước an toàn và quản lý nước thải an toàn; kinh doanh có điều kiện về cấp nước sạch.

3. Chính sách 03: Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển cấp, thoát nước.

3.1. Mục tiêu của chính sách

Huy động, tập trung các nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác cho đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

Quản lý giá dịch vụ cấp, thoát nước bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững.

Quản lý hiệu quả các nguồn lực và nguồn thu từ hoạt động, dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

3.2. Nội dung của chính sách

3.2.1. Huy động, tập trung các nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác cho đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quy định nhà nước có trách nhiệm huy động nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, quỹ bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác nước, từ các khoản thu khác, ... cho công trình thoát nước chống ngập, thu gom, xử lý nước thải.

Quy định nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ giá dịch vụ cấp, thoát nước cho khu vực dân cư nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước phân tán vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng khó khăn nguồn nước, vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

Quy định về xã hội hóa cấp, thoát nước, huy động các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư, vận hành công trình cấp, thoát nước. Quy định đầu tư theo hình thức PPP.

Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp, thoát nước về miễn tiền sử dụng đất, miễn giảm thuế doanh nghiệp, miễn giảm lãi suất vay ngân hàng...

3.1.2. Quản lý giá dịch vụ cấp, thoát nước bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững

Quy định nguyên tắc thu hồi chi phí đầu tư, vận hành công trình cấp nước; đối tượng được hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ giá nước sạch. Quy định về giá dịch vụ cấp nước.

Quy định nguyên tắc thu hồi chi phí đầu tư, vận hành công trình thoát nước, xử lý nước thải; đối tượng được miễn giảm giá dịch vụ. Quy định về giá, lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

3.1.3. Quản lý hiệu quả các nguồn lực và nguồn thu từ hoạt động, dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quy định quản lý các nguồn thu từ dịch vụ cấp, thoát nước; quản lý nguồn vốn đầu tư của nhà nước trong các doanh nghiệp cấp nước; quản lý, sử

dụng và duy trì tài sản công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

3.3.1. Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đầu tư công, giá. Doanh nghiệp liên quan đến đầu tư nhà nước trong lĩnh vực cấp, thoát nước và thu hồi chi phí đầu tư.

3.3.2. Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành

Bổ sung các quy định về nguồn lực nhà nước đầu tư cho công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm công tác hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước nông thôn khu vực dân cư nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải bao gồm cả khu vực đô thị và nông thôn. Nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước quy mô từ 02 tỉnh trở lên chịu tác động của biến đổi khí hậu. Bổ sung quy định quản lý các nguồn thu từ dịch vụ cấp, thoát nước.

Kế thừa một số nội dung đã quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 quy định về giá dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải tuân theo quy định Luật Giá. Bảo đảm nguyên tắc hoạt động sản xuất kinh doanh theo vùng cấp nước, hỗ trợ đầu tư cấp nước thôn; lộ trình giá dịch vụ thoát nước phù hợp với yêu cầu người xả thải có trách nhiệm chi trả chi phí xử lý nước thải.

3.3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quy định pháp luật hiện hành

Bổ sung quy định nhà nước bố trí vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch do nước sạch liên quan đến an sinh xã hội; đặc biệt trong điều kiện tác động biến đổi khí hậu, nhiều khu vực khó khăn về nguồn nước do khô hạn hoặc xâm nhập mặn cần thiết phải có hỗ trợ đầu tư của nhà nước (Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực “*khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch...*” không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước).

3.3.4. Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật

Quy định Chương 6 về quản lý tài chính về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 55 đến Điều 60, bao gồm các nội dung liên quan nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của nhà nước đầu tư công trình cấp, thoát nước; quản lý giá dịch vụ và các nguồn thu dịch vụ cấp, thoát nước.

4. Chính sách 04: Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cấp, thoát nước

4.1. Mục tiêu của chính sách

- Bảo đảm vai trò quản lý nhà nước thống nhất và hiệu quả về hoạt động cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải từ trung ương đến địa phương. Phân công trách nhiệm cho Bộ ngành; trách nhiệm của UBND tỉnh, UBND theo phân cấp về tổ chức quản lý, đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đáp ứng nhu cầu trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, kiểm soát và quản lý rủi ro về hoạt động cấp nước sạch, xử lý nước thải khi huy động tư nhân tham gia đầu tư vận hành công trình cấp, thoát nước.

4.2. Nội dung của chính sách

4.2.1. Quản lý nhà nước thống nhất và hiệu quả

- Quy định thống nhất quản lý cấp nước sạch, phân công trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ ngành về quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho các địa phương; quy định UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trong quản lý, đầu tư phát triển cấp, thoát nước trên địa bàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe, môi trường sống của người dân.

- Quy định việc thành lập cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý tài sản công trình cấp, thoát nước do nhà nước là chủ sở hữu hoặc được nhận bàn giao cho nhà nước từ tổ chức, cá nhân.

- Quy định việc ban hành cơ chế chính sách về hỗ trợ tài chính trong hoạt động đầu tư, vận hành khai thác công trình cấp, thoát nước.

4.2.2. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, kiểm soát và quản lý rủi ro về hoạt động cấp nước sạch, xử lý nước thải

- Quy định các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn cấp nước, xả nước thải; trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể của các Bộ ngành, địa phương khi xảy ra rủi ro, sự cố liên quan đến chất lượng dịch vụ cấp nước sạch và ô nhiễm môi trường do nước thải.

- Quy định về kiểm soát doanh nghiệp cấp, thoát nước sau cổ phần hóa, doanh nghiệp tư nhân nhằm bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sinh hoạt và các hoạt động xả nước thải.

- Quy định trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động cấp, thoát nước.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

4.3.1. Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về Luật tổ chức chính

phủ số năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo sự phân công trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương.

4.3.2. Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành

Bổ sung trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện cho các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực được Chính phủ giao; quy định việc thành lập các cơ quan, tổ chức liên quan đến hỗ trợ ban hành cơ chế chính sách, quản lý tài sản và kiểm soát hoạt động cấp, thoát nước. Quy định giao 01 Bộ quản lý nhà nước về cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải trên phạm vi toàn quốc.

4.3.3. Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật

Quy định Chương 7 quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 61 đến Điều 67, bao gồm các nội dung liên quan phân công trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương; phân cấp quản lý cấp, thoát nước; thành lập các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý tài sản, kiểm soát hoạt động cấp, thoát nước.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

1.1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên phạm vi cả nước.

1.2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1.3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Xây dựng trong công tác quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1.4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi của địa phương mình.

1.5. Các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định pháp luật.

2. Nguồn lực thực hiện

2.1. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí tổ chức thực hiện gồm:

- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật (Nghị định, Thông tư, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan): Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn: thực hiện theo quy định hiện hành.

- Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Luật: Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Dự kiến nguồn kinh phí để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia theo chính sách về xã hội hóa nguồn lực cho đầu tư phát triển.
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2.2. Nguồn nhân lực

Hiện nay, nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh và UBND theo phân cấp đã có sẽ tiếp tục quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; đồng thời cũng cần tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật để đảm bảo tổ chức thực hiện Luật theo đúng chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

3.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

a) Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật gồm:

- Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật: dự kiến 02 Nghị định (Nghị định về cấp nước sạch và Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải); được chuẩn bị ngay trong quá trình xây dựng Luật; ban hành ngay sau khi ban hành Luật và có hiệu lực thi hành đồng thời với Luật.

- Một số thông tư của các Bộ, ngành theo phân công của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật và Nghị định: Nội dung cụ thể sẽ được xác định trong quá trình xây dựng Nghị định.

b) Sau khi Luật Cấp, Thoát nước được Quốc hội thông qua, ban hành, Chính phủ sẽ giao các Bộ liên quan theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương xây dựng để ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền và triển khai thi hành Luật đầy đủ, đúng tiến độ theo quy định.

3.2. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật

a) Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định:

- Cơ quan thông tin, truyền thông thực hiện tuyên truyền, phổ biến theo quy định pháp luật hiện hành.

- Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho cán bộ, công chức phụ trách công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, triển khai thực hiện thi hành Luật ở các cấp.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn theo nhiều hình thức.

3.3. Ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật

Các Bộ ngành, cơ quan liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, đảm bảo thể chế hóa định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước, đảm bảo kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

3.4. Ban hành và tổ chức thực hiện theo kế hoạch

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Phân công, phối hợp triển khai thực hiện Luật.

3.5. Tiếp nhận, phản hồi các đối tượng chịu sự tác động của Luật, kịp thời hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Cấp, Thoát nước.

3.6. Kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải.

4. Về tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật với các cam kết, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Hiện nay, các điều ước quốc tế có liên quan đến xây dựng Luật Cấp, Thoát nước bao gồm: (1). Công ước chung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu 1992 (Việt Nam phê chuẩn ngày 16/11/1994). (2). Nghị định thư Kyoto 1998 (Việt Nam phê chuẩn ngày 25/09/2002); tại phụ lục A “quản lý nước thải” là một lĩnh vực thuộc điều chỉnh của Nghị định thư Kyoto 1998. (3). Thỏa thuận Paris 2016 (Việt Nam phê duyệt ngày 03/11/2016); Thực tiễn, việc thực hiện cam kết tại Thỏa thuận Paris 2016 đã được thực hiện thông qua Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Trong đó, quy định về nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 – 2030, tại mục 30 có đề ra: “Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới, đảm bảo an ninh nguồn nước”. Hướng dẫn cụ thể theo quy định của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, cụ thể là quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt chiến lược quốc gia về chống biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Bên cạnh đó, trong khoản 2 phần III mục tiêu có quy định: “Bảo đảm ít nhất 95% dân số được cung

cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu” (theo Quyết định số 42/QĐ-BXD ngày 19/01/2023 của Bộ Xây dựng thì chỉ đề ra chỉ tiêu tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống nước tập trung là 96%). Cùng với đó là quy định về nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 – 2030 tại mục 37 có đề ra: “Chống ngập cho các thành phố lớn ven biển; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu; củng cố và xây mới các công trình cấp thoát nước”. Những chỉ tiêu trên đã đặt ra tính cấp thiết đối với việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ đề ra đảm bảo những cam kết của Việt Nam trong điều ước quốc tế.

Các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời, việc xây dựng và ban hành Luật Cấp, Thoát nước sẽ thúc đẩy Việt Nam thực hiện thành công 03 điều ước quốc tế nêu trên; là căn cứ nhằm đảm bảo mục tiêu lĩnh vực cấp, thoát nước của Việt Nam có cơ sở phát triển bền vững, tiến tới chất lượng dịch vụ cao, công nghệ hiện đại phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập quốc tế.

5. Đánh giá tác động của chính sách đối với vấn đề về giới

Nội dung đánh giá tác động của chính sách đối với vấn đề giới được thực hiện trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách kèm theo hồ sơ, theo đó các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật được kế thừa, phát triển từ quy định văn bản Nghị định. Luật Cấp, Thoát nước sẽ đảm bảo khả năng tiếp cận với nguồn nước sạch và bảo vệ môi trường sống của người dân; trong khi đó, phụ nữ và trẻ em sẽ là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp liên quan sức khỏe, mức sống và điều kiện sống.

6. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

Bổ sung quy định thủ tục hành chính:

a) Cấp giấy phép về kinh doanh có điều kiện đối với cấp nước sinh hoạt đã quy định tại Luật Đầu tư năm 2020; trong chính sách Luật Cấp, Thoát nước chỉ cụ thể hóa thủ tục hành chính này.

b) Cấp giấy phép “thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải” để lựa chọn đơn vị thoát nước đủ năng lực và tăng cường vai trò kiểm soát của chính quyền đối với quản lý thoát nước an toàn và bền vững.

Đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước đề xuất kế thừa các nội dung của Nghị định số 117, Nghị định số 80, dự kiến không đề xuất thủ tục hành chính mới (các nội dung đánh giá liên quan đến thủ tục hành chính được đánh giá trong báo cáo đánh giá tác động chính sách).

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN:

- Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Luật: tháng 11/2023.
- Trình Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng Luật: tháng 5/2024.
- Trình Quốc hội cho ý kiến lần thứ nhất: tháng 10/2024.
- Trình Quốc hội thông qua Luật Cấp, Thoát nước: tháng 5/2025.

VIII. KIẾN NGHỊ

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đã được Bộ Xây dựng thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các ý kiến của Thường trực Chính phủ, Thành viên Chính phủ và cơ quan, tổ chức liên quan đã được Bộ Xây dựng nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ. Đến nay, Hồ sơ Đề nghị Xây dựng Luật đã cơ bản được hoàn thiện và không còn ý kiến khác nhau. Bộ Xây dựng kiến nghị Chính phủ xem xét, thông qua Đề nghị xây dựng Luật này và đưa vào Chương trình xây dựng luật năm 2024.

Bộ Xây dựng xin trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Bộ Xây dựng xin gửi kèm theo Tờ trình này hồ sơ đề nghị xây dựng luật bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước; (2) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về quản lý phát triển cấp, thoát nước; (3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước; (4) Kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng Luật Cấp, Thoát nước; (5) Đề cương dự thảo Luật Cấp, Thoát nước; (6) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Luật; (7) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị